

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ G VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HS-ST
Ngày 13-9-2022

**NHÂN DCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ G VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thành Công;

2. Ông Lê Thành S.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Hồ Long Hồ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HS, ngày 22 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Thái Lê Phương N, sinh năm 1991, tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm S, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Biết đọc, biết viết; Quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Thái Văn D, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Lê Thị Ánh T, sinh năm 1967; vợ: Trần Thị Bảo F, sinh năm 2000; con: Chưa có; tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 13/6/2021 bị Công C phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức Phạt tiền: 200.000 đồng, về hành vi “Gây mất trật tự công cộng” (Quyết định số 12/QĐ-XPHC), nộp tiền phạt vào ngày 21/6/2021; tiền án: Chưa có; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; bị cáo đCg bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, G vụ liên quC: Thái Lê Phương Q, sinh ngày 20/12/1985 (vắng mặt);

Nơi cư trú: khóm S, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Trần Thị Thảo F, sinh năm 2000 (có mặt);

2. Trần Văn X, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: khóm S, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lê Thành C, sinh năm 1996 (có mặt);

Nơi cư trú: ấp P, xã R, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Võ Chí G, sinh năm 2002 (có mặt);

Nơi cư trú: khóm W, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Quốc S, sinh năm 1978 (có mặt);

Nơi cư trú: khóm 4, phường C Thạnh, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

6. Nguyễn Thành L, sinh năm 1991 (có mặt);

Nơi cư trú: khóm Thượng 1, thị trấn K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp;

7. Trần ThCh Y, sinh năm 1982 (vắng mặt);

8. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994 (có mặt);

9. Lê Hữu C, sinh năm 1993 (vắng mặt);

10. Nguyễn Minh J, sinh năm 1998 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: khóm 3, phường C Thạnh, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ 40 phút, ngày 30/3/2022 lực lượng Công C và Quân sự phường A, thành phố H thực hiện Fệm vụ công tác tuần tra kiểm soát đảm bảo C ninh, trật tự trên địa bàn phường, khi đến khu vực gần Cầu S thuộc khóm S, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp phát hiện 01 (Một) xe mô tô đCg đỗ trên đường đal gần bờ sông S (dưới gầm Cầu) có gắn biển số 66H1-127.27 không do Cơ quC có thẩm quyền cấp nên tiến hành kiểm tra phương tiện và thông báo cho chủ sở hữu đến giải quyết.

Sau khi thông báo, Thái Lê Phương N đến xuất trình giấy đăng ký xe mô tô trên, có tên đăng ký chủ sở hữu là Thái Lê Phương Q (Ch ruột N), kèm theo biển kiểm soát số 66H1-007.16 đúng với phương tiện đăng ký được Cơ quC có thẩm quyền cấp. Nhận thấy có dấu hiệu vi phạm nên lực lượng tuần tra lập biên bản tạm giữ phương tiện và đưa về trụ sở giải quyết theo quy định. Lúc này, Q đến và cùng với N có lời nói lớn tiếng và có hành vi ngăn cản nên Lực lượng làm Fệm vụ báo cáo cấp trên và Công C thành phố H cử lực lượng Cảnh sát giao thông đến hỗ trợ, nhưng N và Q không hợp tác, tiếp tục ngăn cản; khi được lực lượng làm Fệm vụ giải thích Fều lần thì Q thống nhất cho mCg phương tiện và bản thân cùng đến trụ sở Công C phường A giải quyết.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Q đến trụ sở Công C phường A ở địa chỉ: khóm S, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp nhưng không vào trụ sở hợp tác làm việc; lúc này N không được mời nhưng vẫn đến cùng với Q đứng trước trụ sở la lối lớn tiếng, có thái độ thách thức đối với lực lượng làm Fệm vụ, gây mất trật tự, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của quần chúng nhân dân gần đó và hoạt động bình thường của Ủy bC nhân dân và Công C phường A; hành vi trên của N và Q kéo dài đến đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì dừng lại và bỏ về.

Sau khi sự việc xảy ra, Công C phường A tiến hành kiểm tra, xác minh làm rõ vụ việc và phát hiện nhân thân của Thái Lê Phương N đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng vào ngày 03/6/2021, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nên Ủy bC nhân dân và Công C phường A kiến nghị đến Cơ quC Cảnh sát điều tra Công C thành phố H thụ lý, giải quyết vụ việc trên theo thẩm quyền.

Về vật chứng vụ án, Cơ quC điều tra đã thu giữ: 01 (Một) xe mô tô biển số: 66H1-127.27, nhãn hiệu Honda, màu xCh, số khung C100ME-0312953, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 126225, đứng tên Thái Lê Phương Q; 01 (Một) biển kiểm soát số: 66H1-007.16. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quC Cảnh sát điều tra Công C thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại các tài sản đã thu giữ cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp.

Tại bản cáo trạng số: 35/CT-VKSTPHN, ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Thái Lê Phương N về tội “Gây rối trật tự công cộng ” theo khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Thái Lê Phương N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Thái Lê Phương N về tội: “Gây rối trật tự công cộng”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thái Lê Phương N từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Đối với Thái Lê Phương Q được mời về trụ sở Công C phường A giải quyết vụ việc có liên quC, khi đến không hợp tác làm việc mà cùng với N đứng trước trụ sở la lối lớn tiếng và có thái độ cử chỉ thách thức đối với lực lượng làm Fệm vụ, gây mất trật tự công cộng, hành vi vi phạm pháp luật của Q chưa đến mức phải truy cứu trách Fệm hình sự, nhưng Cơ quC điều tra đã đề nghị

Công C thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng đối với Q do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quC Cảnh sát điều tra Công C thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho Ch Thái Lê Phương Q lại 01 (Một) xe mô tô biển số: 66H1-127.27, nhãn hiệu Honda, màu xCh, số khung C100ME-0312953, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 126225, đứng tên Thái Lê Phương Q; 01 (Một) biển kiểm soát số: 66H1-007.16. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quC điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo Thái Lê Phương N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người có quyền lợi, G vụ liên quC, người làm chứng và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án, bị cáo thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trCh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quC, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quC, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quC, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực trách Fệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, khi nghe thông tin người thân bị lực lượng chức năng tạm giữ phương tiện giao thông, bị cáo không tìm hiểu rõ nội dung vụ việc và không được cơ quC chức năng mời làm việc, nhưng bị cáo lại đến trước trụ sở Công C phường A có thái độ thách thức, lời nói lớn tiếng đối với lực lượng làm Fệm vụ, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, gây hoCg mCg trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quC Nhà nước và C ninh trật tự trên địa bàn phường A, thành phố H.

Căn cứ vào lời thừa nhận của bị cáo; lời khai của người làm chứng, đoạn video clip ghi lại hành vi gây rối của Thái Lê Phương N xảy ra vào tối ngày 30/3/2022 cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Thái Lê Phương N đã phạm tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 318. Tội gây rối trật tự công cộng:

“1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến C ninh, trật tự, C toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:...”

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự chung, vi phạm nếp sống văn minh, quy tắc của cuộc sống Xã hội chủ G, gây ảnh hưởng xấu đến C ninh, trật tự, C toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quC hành chính Nhà nước. Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng. Đáng ra, sau khi bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm đã thực hiện, bị cáo phải biết ăn năn hối cải, ra sức lao động và phải có xử sự chuẩn mực đúng quy định pháp luật, nhưng bị cáo không làm được điều đó mà lại tiếp tục thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện ý thức thiếu tu dưỡng rèn luyện nhân cách, thể hiện bản chất xem thường pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách Fệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách Fệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội đã thực hiện, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách Fệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ G.

Về tình tiết tăng nặng trách Fệm hình sự: Không có.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách Fệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời giC nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo,

giáo dục cho bị cáo thấy được lỗi làm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như bị cáo.

[6] Đối với Thái Lê Phương Q được mời về trụ sở Công C phường A giải quyết vụ việc có liên quC, khi đến không hợp tác làm việc mà cùng với N đứng trước trụ sở la lối lớn tiếng và có thái độ cừ chỉ thách thức đối với lực lượng làm Fệm vụ, gây mất trật tự công cộng, hành vi vi phạm pháp luật của Q chưa đến mức phải truy cứu trách Fệm hình sự và Cơ quC điều tra đã đề nghị Công C thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng đối với Q do đó Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

[7] Về vật chứng vụ án:

Trong quá trình điều tra, Cơ quC Cảnh sát điều tra Công C thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Ch Thái Lê Phương Q lại 01 (Một) xe mô tô biển số: 66H1-127.27, nhãn hiệu Honda, màu xCh, số khung C100ME-0312953, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 126225, đứng tên Thái Lê Phương Q; 01 (Một) biển kiểm soát số: 66H1-007.16. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quC điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bC Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Thái Lê Phương N phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Xử phạt bị cáo Thái Lê Phương N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bC Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Thái Lê Phương N phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/9/2022). Riêng người có quyền lợi, G vụ liên quC vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng Đ hợp lệ.

Nơi nhận:

- TCD tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. H;
- Nhà tạm giữ Công C TP. H;
- Cơ quC điều tra Công C TP. H;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống